

CHỦ ĐỀ 1. VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG

Môn học: Địa Lí 8

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức (Đảm bảo theo đúng SGK)

- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.
- Trình bày được qua trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện ra vấn đề, đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp.

* Năng lực đặc thù: (Đảm bảo theo đúng SGK)

- Sử dụng các công cụ học tập địa lí, lịch sử như bản đồ, biểu đồ, hình ảnh để trình bày được chế độ nước sông và quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước.

3. Phẩm chất (Đảm bảo theo đúng SGK)

- Có ý thức chung sống hoà hợp với thiên nhiên, bảo vệ môi trường nước ở hai châu thổ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU (Đảm bảo theo đúng SGK)

1. Giáo viên (GV)

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- Số liệu, biểu đồ về lưu lượng nước trung bình của các tháng trong năm ở hai châu thổ.
- Lược đồ phạm vi, địa hình hiện tại hai châu thổ.
- Hình ảnh, tranh vẽ liên quan đến nội dung chủ đề.

2. Học sinh (HS):

- SGK, vở ghi.
- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử, phần Địa lí.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu (10 phút)

a. Mục tiêu:

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS về châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long với nội dung chủ đề.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của người học.

b. Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- HS giải mã được trò chơi “Ô chữ” do GV đặt ra.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ô CHỮ BÍ MẬT.

1	2	3	4	5	6	7

* GV phổ biến luật chơi:

- Ô chữ bí mật gồm 7 chữ cái được đánh số từ 1 đến 7 sẽ tương ứng với 7 câu hỏi liên quan đến Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Mỗi câu trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại. (Mỗi câu hỏi được tối đa có 2 lượt trả lời.)
- Trong quá trình trả lời các câu hỏi, bạn nào trả lời đúng ô chữ bí mật thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

* Hệ thống câu hỏi:

Câu 1: Hệ thống sông lớn nhất vùng Bắc Bộ là

- A. sông Hồng. B. sông Đồng Nai.
C. sông Mê Công D. sông Thu Bồn.

Câu 2: Sông Mê Công chảy vào nước ta có tên là

- A. sông Cửu Long B. sông Hậu
C. sông Tiền D. sông Sài Gòn

Câu 3: Sông Cửu Long đổ nước ra biển bằng mấy cửa?

- A. 6 cửa B. 7 cửa C. 8 cửa D. 9 cửa

Câu 4: Sông Cửu Long gồm hai nhánh chính là

- A. sông Hồng và sông Mê Công B. sông Tiền và sông Hậu
C. sông Đáy và sông Tiền D. sông Cả và sông Đáy

Câu 5: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long B. Duyên hải Nam Trung Bộ
C. Đồng bằng sông Hồng D. Bắc Trung Bộ

Câu 6: Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

- A. sông Hồng và sông Đà B. sông Hồng và sông Thái Bình
C. sông Hồng và sông Cầu D. sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 7: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất và có giá trị quan trọng ở đồng bằng sông Hồng là

- A. đất feralit. B. đất badan.
C. đất xám phù sa cổ. D. đất phù sa.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: A

Câu 2: A

Câu 3: D

C	H	Â	U	T	H	Ồ
---	---	---	---	---	---	---

Câu 4: B

Câu 5: C

Câu 6: B

Câu 7: D

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới.

Phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Cửu Long đã bồi đắp nên hai đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta là đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Hai châu thổ được huilì thành và phát triển nhu thế nào? Con người đã khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của các dòng sông chính trên châu thổ ra sao?

- HS lắng nghe, vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức (105 phút)

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Chuẩn bị dự án (Hoạt động này GV giao nhiệm vụ cho HS từ tiết học trước)	
a. Mục tiêu:	
- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.	
- Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.	
b. Nội dung: Dựa vào lược đồ hình 1.1, hình 1.2, hình 1.3, hình 1.4; bảng 1.1, bảng 1.2; kết hợp kênh chữ SGK làm việc theo nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.	
c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS	
d. Tổ chức hoạt động	
NHIỆM VỤ 1: HS CHUẨN BỊ DỰ ÁN Ở NHÀ	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	
* GV tổ chức dạy học dự án. GV chia lớp thành 6 nhóm. Các nhóm sẽ chuẩn bị dự án trước ở nhà, thời gian chuẩn bị là 01 tuần.	
- Nhóm 1,2,3: Vẽ minh châu thổ sông Hồng	
- Nhóm 4,5,6: Vẽ minh châu thổ sông Cửu Long	
* GV phát cho HS các nhóm PHT số 1 để chuẩn bị dự án đảm bảo theo yêu cầu của GV.	

* GV phát cho HS các nhóm bảng tiêu chí đánh giá để định hướng khi tìm hiểu và đánh giá sản phẩm. * GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu: - Khai thác lược đồ vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng và Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long; hình 1.1 và hình 1.2 để trình bày được quá trình hình thành và phát triển. - GV hướng dẫn, giới thiệu bảng 1.1 và bảng 1.2 để HS biết cách đọc và rút ra nhận xét về chế độ nước sông. + Tính lưu lượng TB năm = tổng lưu lượng 12 tháng / 12 + Căn cứ vào lưu lượng TB → tìm ra các tháng mùa lũ và mùa cạn (mùa lũ > TB; mùa cạn < TB) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. - GV theo dõi quá trình làm việc của HS, hỗ trợ và hướng dẫn để HS tạo ra sản phẩm học tập hoàn thiện. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS thảo luận, trao đổi để hoàn thành dự án học tập của nhóm. Bước 4. Kết luận, nhận định - HS nộp sản phẩm dự án cho GV theo đúng thời gian quy định. - Đại diện các nhóm cần chuẩn bị sẵn sàng cho việc trình bày dự án của nhóm mình trước lớp	
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Dựa vào lược đồ Đồng bằng sông Hồng, lược đồ Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long; hình 1.1 1.9; kết hợp kênh chữ SGK làm việc theo nhóm để hoàn thành dự án sau:

	Vùng châu thổ sông Hồng	Vùng châu thổ sông Cửu Long
1. Quá trình hình thành và phát triển: Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin trong mục 1a, hãy trình bày quá trình hình thành và phát triển châu thổ sông Hồng. Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin trong mục 2b, hãy trình bày quá		

trình hình thành và phát triển châu thổ sông Cửu Long.		
2. Chế độ nước sông: Nhiệm vụ 3: Dựa vào thông tin mục 1b và hình 1.2, hãy mô tả chế độ nước sông Hồng. Nhiệm vụ 4: Dựa vào thông tin mục 2b và hình 1.2, hãy mô tả chế độ nước của sông Cửu Long.		
3. Quá trình khai khẩn, chế ngự: Nhiệm vụ 5: CH1: Khai thác tư liệu trên giúp em biết được điều gì về vấn đề đề điều dưới triều Nguyễn? CH2: Trình bày những nét chính về quá trình con người khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự chế độ nước sông Hồng. Nhiệm vụ 6: CH1: Trình bày những nét chính về quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước sông Cửu Long.		

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt
Nội dung sản phẩm	Đúng và đầy đủ theo từng vấn đề: 1. Quá trình hình thành và phát triển. 2. Chế độ nước sông. 3. Quá trình khai khẩn, chế ngự.	5,0		
	Thông tin hay, hấp dẫn, có chọn lọc và có hệ thống, dễ hiểu; có liên hệ, mở rộng thông tin ngoài SGK.	1,0		
Thiết kế sản phẩm	Sử dụng công nghệ để sưu tầm, xử lí tư liệu; thiết kế hài hoà giữa kênh	2,0		

	chữ và kênh hình; trình bày sản phẩm đẹp, có tính độc đáo, sáng tạo,...			
Báo cáo sản phẩm	Trình bày lưu loát, không lệ thuộc vào tài liệu; có điểm nhấn và tương tác với người nghe.	0,75		
	Vận dụng linh hoạt các kỹ thuật như: 5 xin, 3-2-1, phản hồi tích cực,...	0,75		
Yếu tố khác	Các thành viên trong nhóm làm việc ăn ý, hiệu quả; giải quyết được các tình huống, trả lời câu hỏi chính xác,...	0,5		
	Tổng	10.0		

Hoạt động 2: Trình bày dự án

a. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.
- Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.

b. Nội dung: Dựa vào lược đồ hình 1.1, hình 1.2, hình 1.3, hình 1.4; bảng 1.1, bảng 1.2; kết hợp kênh chữ SGK làm việc theo nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS

d. Tổ chức hoạt động

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để trình bày dự án của nhóm mình.
- + Thời gian trình bày mỗi nhóm: 10 phút
- + Nội dung: theo phiếu học tập cô giáo đã giao từ trước.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện báo cáo sản phẩm theo nhóm.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Lần lượt các nhóm lên báo cáo sản phẩm, trao đổi và nhận xét (theo bảng tiêu chí).
- GV theo dõi quá trình làm việc của HS, hỗ trợ và hướng dẫn để HS.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV trình bày, bổ sung và kết luận để HS lĩnh hội được kiến thức theo yêu cầu cần đạt.
- GV mở rộng cho HS:

1. Quá trình hình thành và phát triển.

2. Chế độ nước sông.

**3. Quá trình khai khẩn, chế ngự.
(Bảng phụ lục)**

Đối với phần 1. Quá trình hình thành và phát triển

+ Để khắc sâu kiến thức, GV có thể sử dụng lược đồ đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, cùng với các hình ảnh chụp máy bay vẽ 2 đồng bằng, yêu cầu HS xác định vị trí, phạm vi, miêu tả hình dạng, địa hình của 2 đồng bằng.

Đối với phần 2. Chế độ nước sông

+ GV có thể cung cấp thêm hình ảnh, video về mùa lũ và mùa cạn ở châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long để HS có nhận thức trực quan về vấn đề.

Đối với phần 3. Quá trình khai khẩn, chế ngự.

+ GV phân tích thêm cho HS tư liệu được trích dẫn trong Đại Nam thực lục phản ánh về vấn đề đắp đê dưới thời vua Gia Long như: tình trạng đắp đê phòng lụt, những hậu quả của việc vỡ đê. Từ đó, nhà vua đặt ra vấn đề để bàn bạc như: cần phải đắp đê hay bỏ đê? Điều này một mặt chứng tỏ: vua Gia Long rất quan tâm đến công tác đắp đê để chế ngự sông Hồng ở ngoài Bắc; tuy nhiên, qua đó cũng chứng tỏ sự lúng túng của Triều Nguyễn trong việc trị thủy sông Hồng (khi đặt ra vấn đề nên “đắp đê hay bỏ đê”). Điều này cũng chứng tỏ sự khác biệt trong quá trình thích ứng/chế ngự chế độ nước sông Hồng so với sông Cửu Long (các chúa Nguyễn, sau đó là nhà Nguyễn vốn gắn bó với vùng đất Đàng Trong nên không có kinh nghiệm trong việc đắp đê trị thủy sông Hồng ở ngoài Bắc.

+ GV có thể liên hệ mở rộng về việc khai khẩn biển ở Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình, kể chuyện về Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ - người có công tổ chức công cuộc khai hoang, lập nên huyện Tiên Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình) và hai tổng Hoàn Thu, Ninh Nhất, mở rộng thêm hơn 40 nghìn mẫu đất canh tác và định cư cho hơn 4 000 dân nghèo, ông còn làm Tổng đốc Hải An (Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh), tiếp tục tổ chức khai hoang vùng ven biển, được

trên 3 000 mẫu (Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, 2005, tr. 549 - 550).		
BẢNG TỔNG HỢP KIẾN THỨC		
	Vùng châu thổ sông Hồng	Vùng châu thổ sông Cửu Long
1. Quá trình hình thành và phát triển:	+ Diện tích khoảng 15.000 km², được hình thành trong thời gian dài nhờ phù sa của hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ trầm tích trên vùng trũng. + Trong 2000 năm gần đây, có nhiều thay đổi do hoạt động đắp đê, lấn biển ở vùng châu thổ và sự xuất hiện các công trình thủy lợi - thủy điện ở vùng thượng nguồn.	+ Là một phần của châu thổ sông Mê Công, rộng khoảng 40.000 km². Là châu thổ trẻ, có quá trình hình thành chủ yếu cách đây hơn 2.000 năm, được bồi đắp bởi phù sa sông Cửu Long và ảnh hưởng của các đợt biến tiến, biến thoái. + Còn nhiều ô trũng lớn chưa được phù sa bồi đắp. Do địa hình thấp nên hằng năm, các vùng trũng này bị ngập nước vào mùa lũ. + Ở bãi triều ven biển và vùng cửa sông, rừng ngập mặn rất phát triển.
2. Chế độ nước sông:	+ Mùa lũ: từ tháng 6 đến tháng 10, chiếm khoảng 75% lưu lượng dòng chảy cả năm. + Mùa cạn: từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.	+ Mùa lũ: từ tháng 7 đến tháng 11, chiếm khoảng 75% lưu lượng dòng chảy cả năm. + Mùa cạn: từ tháng 11 đến tháng 6 năm sau.
3. Quá trình khai khẩn, chế ngự:	+ Ngay từ thời xa xưa, con người đã khai phá. + Để phát triển nền nông nghiệp trồng lúa nước, con người sớm đã quan tâm đến việc: điều tiết và chế ngự nguồn nước.	+ Ngay từ thời vương quốc Phù Nam đã được con người khai phá. + Việc khai khẩn gắn liền với quá trình con người thích ứng với tự nhiên.

3. Luyện tập (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức về quá trình hình thành và phát triển hai châu thổ, chế độ nước của các dòng chính của hai hệ thống sông.
- Củng cố kiến thức về quá trình con người khai thác và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của hai hệ thống sông.

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi tự luận/ trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện các yêu cầu của bài Luyện tập trong SGK hoặc SBT
- HS lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Câu 1. Hãy hoàn thành bảng thông tin về chế độ nước (mùa lũ, mùa cạn) giữa hệ thống nước sông Hồng và sông Cửu Long theo mẫu.

Gợi ý:

	Chế độ nước của sông Hồng	Chế độ nước của sông Cửu Long
Mùa lũ	- Kéo dài 5 tháng (từ tháng 6 đến tháng 10), chiếm khoảng 75% lưu lượng dòng chảy cả năm. - Các đợt lũ lên nhanh và đột ngột	- Kéo dài 5 tháng (từ tháng 7 đến tháng 11), chiếm khoảng 80% lưu lượng dòng chảy cả năm. - Lũ lên và khi rút đều diễn ra chậm.
Mùa cạn	- Kéo dài 7 tháng (từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau), chiếm khoảng 25% lưu lượng dòng chảy cả năm.	- Kéo dài 7 tháng (từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau), chiếm khoảng 20% lưu lượng dòng chảy cả năm

Câu 2. Hãy cho biết những công trình nào thể hiện lịch sử chế ngự và thích ứng với chế độ nước của cư dân ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.

Gợi ý:

- Một số công trình thể hiện lịch sử chế ngự và thích ứng với chế độ nước của cư dân sông Hồng là:

+ Hệ thống đê sông Hồng.

+ Các nhà máy thủy điện trên lưu vực sông, như: Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Bản Chát, Thác Bà,...

- Một số công trình thể hiện lịch sử chế ngự và thích ứng với chế độ nước của cư dân sông Cửu Long là:

+ Kênh Vĩnh Tế, kênh Thoại Hà, kênh Chợ Gạo, kênh Tháp Mười,...

+ Hệ thống thủy nông Quản Lộ - Phụng Hiệp (ở 4 tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau).

+ Hệ thống thủy lợi ngọt hóa và ngăn mặn ở tỉnh Bến Tre.

+ Cổng đập Ba Lai (xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre).

+ Hệ thống đê biển ở toàn bộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS khai thác thông tin, dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi, trao đổi kết quả làm việc với các bạn khác.

- GV quan sát, theo dõi đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc. HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV thông qua phần trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kỹ năng của cả lớp.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>

4. Vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Phát triển các năng lực tự chủ và tự học, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí, lịch sử vào cuộc sống.

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập/báo cáo ngắn

c. Sản phẩm: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

d. Tổ chức hoạt động:

HS thực hiện ở nhà

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đưa ra nhiệm vụ: Chọn và hoàn thành một trong hai nhiệm vụ sau:

+ **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu về lợi ích và hạn chế của hệ thống đê sông Hồng.

+ **Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu về phương châm “sống chung với lũ” của người dân ở đồng bằng sông Cửu Long và những lợi ích do dòng sông mang lại.

Gợi ý:

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về lợi ích và hạn chế của hệ thống đê sông Hồng.

- Lợi ích của hệ thống đê sông Hồng:

+ Hạn chế thiệt hại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão.

+ Làm cho diện tích đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không ngừng được mở rộng về phía biển.

+ Làm cho địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ, làng mạc trù phú, dân cư đông đúc.

+ Giúp cho nông nghiệp thâm canh, tăng vụ; công nghiệp, dịch vụ phát triển sôi động. Nhiều di tích lịch sử, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể được lưu giữ và phát triển.

- Hạn chế: vùng đất phía trong đê sông Hồng (gồm các khu đất cao và ô trũng) không được phù sa bồi đắp hằng năm nên kém màu mỡ hơn so với vùng đất phía ngoài đê.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đề cần tham khảo/ thắc mắc.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thành bài ở nhà theo nội dung GV đã phân công

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV dặn dò HS tiết sau trình bày bài làm.